

Số: /KH-UBND

Buôn Đơn, ngày tháng 6 năm 2022

**KẾ HOẠCH
Chuyển đổi số huyện Buôn Đơn năm 2022.**

I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH

- Luật Công nghệ thông tin; Luật An toàn thông tin mạng;
- Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ;
- Chỉ thị số 02/CT-TTg, ngày 26/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số, thúc đẩy chuyển đổi số quốc gia;
- Quyết định số 2425/QĐ-UBND, ngày 01/09/2021 của UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành Bộ chỉ số đánh giá Chuyển đổi số tỉnh Đắk Lắk;
- Kế hoạch số 23/KH-UBND, ngày 28/01/2022 của UBND tỉnh Đắk Lắk về Chuyển đổi số tỉnh Đắk Lắk, xây dựng thành phố Buôn Ma Thuột trở thành đô thị thông minh năm 2022;
- Kế hoạch số 24-KH/HU ngày 11/5/2021 của Huyện ủy Buôn Đơn thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 02/4/2021 của Tỉnh ủy Đắk Lắk về chuyển đổi số tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030;
- Kế hoạch số 15/KH-UBND, ngày 03/02/2021 của UBND huyện Buôn Đơn về Ứng dụng Công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước, xây dựng Chính quyền điện tử và đảm bảo an toàn thông tin mạng huyện Buôn Đơn giai đoạn 2021 - 2025;
- Quyết định số 7131/QĐ-UBND, ngày 14/12/2021 của UBND huyện Buôn Đơn về việc ban hành Kế hoạch cải cách hành chính Nhà nước năm 2021;
- Quyết định số 2351/QĐ-UBND, ngày 15/6/2022 của UBND huyện Buôn Đơn về việc ban hành Kế hoạch Chuyển đổi số huyện Buôn Đơn giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030.

II. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Triển khai kịp thời, thống nhất, hiệu quả các nội dung của năm 2022 tại Quyết định số 2351/QĐ-UBND, ngày 15/6/2022 của UBND huyện Buôn Đơn về việc ban hành Kế hoạch Chuyển đổi số huyện Buôn Đơn giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch số 15/KH-UBND, ngày 03/02/2021 của UBND huyện Buôn Đơn về Ứng dụng Công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước, xây dựng Chính quyền điện tử và đảm bảo an toàn thông tin mạng huyện Buôn Đơn giai đoạn 2021 – 2025, nhằm phát triển chính quyền số, xây dựng xã hội số, phát triển kinh tế số trong các ngành, lĩnh vực.

- Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp và người dân trong việc thực hiện chuyển đổi số trên địa bàn huyện.

2. Yêu cầu

- Xác định cụ thể mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp, thời gian và trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong việc triển khai thực hiện Quyết định số 2351/QĐ-UBND, ngày 15/6/2022 và Kế hoạch số 15/KH-UBND, ngày 03/02/2021 của UBND huyện Buôn Đôn.

- Các phòng, ban, ngành, đoàn thể; UBND các xã phối hợp chặt chẽ trong quá trình triển khai thực hiện; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc phát sinh; tập trung thực hiện các giải pháp nhằm đạt được các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ đã đề ra.

3. Mục tiêu cụ thể

a. Phát triển Chính quyền số, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động

- 55% trở lên dịch vụ công được cung cấp trực tuyến mức độ 3, mức độ 4, trong đó mức độ 4 trên 25%.

- 30% trở lên hồ sơ công việc tại cấp huyện và 15% trở lên hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (*trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước*);

- 50% chế độ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của UBND huyện, Chủ tịch UBND huyện được thực hiện trên Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ;

- 5% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý;

- Phần đầu chỉ số chuyển đổi số của huyện trong nhóm 10/15 huyện, thị xã, thành phố.

b. Phát triển kinh tế số, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế

- Phần đầu kinh tế số chiếm 2% GRDP;

- Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu 1%;

- Năng suất lao động hàng năm tăng bình quân 1%;

- 100% doanh nghiệp sử dụng hoá đơn điện tử.

c. Phát triển xã hội số, thu hẹp khoảng cách số

- Hạ tầng mạng băng rộng cáp quang phủ trên 40% hộ gia đình, 100% xã;

- Phổ cập dịch vụ mạng di động 4G/5G;

- Tỷ lệ dân số có tài khoản thanh toán điện tử là trên 10%.

d. Phát triển các dịch vụ điều hành thông minh

- Tiếp tục triển khai có hiệu quả dịch vụ Giám sát hệ thống dịch vụ công trực tuyến do Sở Thông tin và Truyền thông triển khai.

- Phối hợp từng bước triển khai các dịch vụ điều hành thông minh khác trên địa bàn gồm các dịch vụ như: Giám sát, điều hành kinh tế và xã hội, Giám sát an ninh trật tự đô thị và điều hành giao thông; Phản ánh hiện trường; Giám sát an toàn thông tin mạng; Giám sát hệ thống dịch vụ công trực tuyến; Giám sát hệ thống quản lý văn bản và điều hành; Giám sát thông tin mạng xã hội.

III. NỘI DUNG, NHIỆM VỤ

1. Công tác chỉ đạo, tuyên truyền, nâng cao nhận thức

- Nâng cao trách nhiệm người đứng đầu cấp ủy, chính quyền các cấp của huyện trong thực hiện chuyển đổi số. Tuyên truyền đổi mới nhận thức, tư duy cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức về phát triển và ứng dụng công nghệ số trong quản lý Nhà nước, trong phát triển kinh tế - xã hội; tích cực sử dụng sản phẩm của doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam trong hoạt động của cơ quan.

- Xây dựng nội dung tuyên truyền về chuyển đổi số của huyện phù hợp với từng giai đoạn của quá trình chuyển đổi số.

- Xây dựng chuyên mục chuyển đổi số trong ngành, lĩnh vực, địa phương mình phù hợp với mục tiêu chung và phù hợp với mục tiêu phát triển của ngành, lĩnh vực và địa phương mình.

2. Xây dựng, hoàn thiện cơ chế chính sách

- Tổ chức rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật, đảm bảo điều kiện tốt nhất cho phát triển chuyển đổi số.

- Cụ thể hoá các văn bản của Chính phủ, của Tỉnh cho phù hợp với điều kiện của huyện nhằm tạo ra môi trường pháp lý thuận lợi cho việc đẩy mạnh ứng dụng phát triển Chính quyền số, gắn kết chặt chẽ giữa cải cách thủ tục hành chính với phát triển Chính quyền số.

- Rà soát, chỉnh sửa, ban hành kịp thời quy trình nội bộ, quy trình điện tử đối với giải quyết từng thủ tục hành chính của các cấp.

- Xây dựng chính sách hợp tác phát triển chuyển đổi số, chính sách đãi ngộ thu hút và phát triển nguồn nhân lực CNTT.

3. Phát triển chính quyền số

a. Về hạ tầng

- Tiếp tục đầu tư, nâng cấp, hoàn thiện trang thiết bị hệ thống họp trực tuyến, hệ thống mạng LAN, máy tính, máy in, máy quét, thiết bị số hóa... đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số ở các cấp, các ngành.

- Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông triển khai mở rộng và nâng cấp mạng số liệu chuyên dùng đến cấp xã.

- Xây dựng, phát triển và hoàn thiện hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến đảm bảo kết nối thông suốt từ tỉnh đến xã để nâng cao chất lượng công tác họp, trao đổi chuyên môn, phổ biến văn bản và đào tạo, tập huấn qua hình thức trực tuyến.

- Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông trong việc triển khai chuyển

đổi toàn bộ địa chỉ giao thức Internet thế hệ cũ (IPv4) sang sử dụng địa chỉ giao thức Internet thế hệ mới (IPv6) đối với toàn bộ hệ thống ứng dụng của huyện.

- Phối hợp với các doanh nghiệp viễn thông trong việc nâng cấp mạng di động 4G, phát triển hạ tầng mạng di động 5G, ưu tiên triển khai tại các CQNN, trường học, bệnh viện, địa điểm du lịch.

b. Về phát triển các ứng dụng, cơ sở dữ liệu, dịch vụ số

- Tiếp tục duy trì, nâng cao chất lượng, hiệu quả sử dụng Hệ thống Quản lý văn bản và Điều hành; Công thông tin điện tử của huyện; Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ ...

- Xây dựng kế hoạch triển khai số hoá dữ liệu quản lý chuyên ngành tại các phòng, ban, đơn vị, UBND các xã đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật và bảo đảm kết nối, chia sẻ, tích hợp với CSDL của ngành, của tỉnh theo yêu cầu.

- Thực hiện chuyên đổi số lĩnh vực phát thanh - truyền hình của huyện.

- Triển khai Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 – 2025, tầm nhìn đến năm 2030 (theo Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ).

4. Phát triển kinh tế số, doanh nghiệp số

- Đẩy mạnh hợp tác với các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn để thúc đẩy chuyển đổi số.

- Phối hợp, triển khai các hoạt động hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp ngành nghề truyền thống, doanh nghiệp sản xuất chuyển đổi sang sản xuất sản phẩm, cung cấp dịch vụ trên các nền tảng số; hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn huyện tham gia Chương trình hỗ trợ khởi nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số (SMEDx).

- Phối hợp tổ chức tập huấn, đào tạo cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa để giúp họ chuyển đổi phương pháp sản xuất kinh doanh của mình theo phương thức mới ứng dụng CNTT và chuyển đổi số.

- Phối hợp tổ chức các chương trình xúc tiến thương mại điện tử đa dạng trên các sàn thương mại điện tử lớn (như: Lazada, Shopee, Tiki, Sendo, Voso, Postmart,...) để tạo sức lan tỏa trong cộng đồng doanh nghiệp trên địa bàn huyện.

- Từng bước phối hợp, triển khai thanh toán các giao dịch có giá trị nhỏ thông qua tài khoản viễn thông (Mobile Money).

5. Phát triển xã hội số

- Phối hợp tổ chức các lớp tập huấn, các khóa học đại trà trực tuyến cho người dân và doanh nghiệp để nâng cao kiến thức, kỹ năng về công nghệ số và chuyển đổi số cho người dân; từng bước hình thành công dân số, đảm bảo không ai bị bỏ lại phía sau trong quá trình chuyển đổi số.

- Xây dựng, triển khai, phát triển hệ thống Wifi miễn phí tại các khu, điểm du lịch, bệnh viện, quảng trường ... để phục vụ phát triển xã hội số của huyện.

- Triển khai các kênh tương tác trực tuyến để người dân tham gia, giám sát hoạt động xây dựng, thực thi chính sách, pháp luật, ra quyết định của CQNN trên địa bàn huyện.

- Phối hợp triển khai đẩy mạnh thanh toán điện tử, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp trong thanh toán không tiền mặt trên địa bàn huyện.

6. Đảm bảo an toàn thông tin mạng

- Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Chỉ thị số 14/CT-TTG ngày 07/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường bảo đảm an toàn, an ninh mạng. Triển khai các hoạt động giám sát, đánh giá, bảo vệ, ứng cứu các hệ thống thông tin của tỉnh theo mô hình 4 lớp, đảm bảo khả năng thích ứng một cách chủ động, linh hoạt và giảm thiểu các nguy cơ, đe dọa mất an toàn thông tin trên không gian mạng, sẵn sàng các giải pháp phòng ngừa và ứng phó khi có sự cố xảy ra trên địa bàn huyện.

- Thường xuyên rà soát, cập nhật, đề nghị phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin và triển khai phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ.

- Triển khai bảo đảm an toàn thông tin theo mô hình 4 lớp theo hướng dẫn của cấp trên.

- Xây dựng và triển khai kế hoạch tuyên truyền, nâng cao nhận thức và phổ biến kiến thức, kỹ năng bảo đảm an toàn thông tin cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và người dân.

7. Phát triển nguồn nhân lực

- Phối hợp tổ chức bằng nhiều hình thức các khóa bồi dưỡng, nâng cao nhận thức cho lãnh đạo các cấp, các ngành về chuyển đổi số, kỹ năng lãnh đạo trong giai đoạn chuyển số, trên môi trường số; các khóa bồi dưỡng chuyên sâu về công nghệ mới, kiến thức chuyển đổi số, phương thức xây dựng các hệ thống thông tin trong chuyển đổi số, đảm bảo an toàn thông tin cho cán bộ chuyên trách CNTT trong các CQNN; đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số, kỹ năng phân tích và xử lý dữ liệu cho cán bộ, công chức, viên chức để sẵn sàng chuyển đổi môi trường làm việc sang môi trường số.

- Phối hợp tổ chức xây dựng chương trình, tài liệu phổ biến kiến thức rộng rãi trong Nhân dân về kỹ năng sử dụng CNTT, các hệ thống ứng dụng của CQNN trong giải quyết thủ tục hành chính, kiến thức cơ bản về chuyển đổi số.

- Đẩy mạnh phong trào tự học tập, tuyên truyền, chủ động nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức các kiến thức về CNTT, ứng dụng CNTT, thực hiện chuyển đổi số trong hoạt động thực thi công vụ.

- Ưu tiên bố trí sắp xếp cán bộ chuyên trách CNTT trong định biên của đơn vị để đảm bảo triển khai các ứng dụng CNTT và thực thi nhiệm vụ chuyển đổi số của cơ quan đạt hiệu quả.

8. Các lĩnh vực ưu tiên chuyển đổi số

8.1. Chuyển đổi số trong lĩnh vực Nông nghiệp

Đơn vị chủ trì: Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Tập trung xây dựng các hệ thống cơ sở dữ liệu của ngành như: đất đai, cây trồng, vật nuôi, thủy sản, xây dựng bản đồ số nông nghiệp ... để cung cấp thông tin về môi trường, thời tiết, chất lượng đất đai phục vụ nông dân nâng cao năng suất và chất lượng cây trồng, hỗ trợ chia sẻ các thiết bị nông nghiệp qua nền tảng số.

- Ứng dụng công nghệ số để tự động hóa các quy trình sản xuất, kinh doanh; quản lý, giám sát nguồn gốc, chuỗi cung ứng sản phẩm, bảo đảm nhanh chóng, minh bạch, chính xác, an toàn, vệ sinh thực phẩm.

- Triển khai hỗ trợ đưa hộ sản xuất nông nghiệp lên sàn thương mại điện tử, thúc đẩy phát triển kinh tế số nông nghiệp, nông thôn.

8.2. Chuyển đổi số trong lĩnh vực Giáo dục

Đơn vị chủ trì: Phòng Giáo dục và Đào tạo

- Xây dựng CSDL của ngành đảm bảo thống nhất, đồng bộ nhằm nâng cao hiệu quả quản lý.

- Triển khai đẩy mạnh sử dụng hiệu quả các ứng dụng, phần mềm trong công tác chuyên môn, nghiệp vụ như: Học bạ điện tử, quản lý học sinh, kiểm định chất lượng giáo dục, quản lý văn bằng chứng chỉ, quản lý hồ sơ sinh giáo viên, lưu trữ hồ sơ trên hệ sinh thái vnEdu, phần mềm tuyển sinh, phần mềm dinh dưỡng, phần mềm quản lý phổ cập, chữ ký số của giáo viên ...

- Đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến trong giáo dục; thực hiện thanh toán học phí không dùng tiền mặt.

- Xây dựng trường học số; xây dựng CSDL bài giảng điện tử và cung cấp dịch vụ khoá học trực tuyến chuẩn hoá phục vụ đổi mới hoạt động dạy và học.

8.3. Chuyển đổi số trong lĩnh vực Y tế

Đơn vị chủ trì: Trung tâm Y tế huyện

- Đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong hoạt động của Trạm Y tế xã trên địa bàn. Từng bước triển khai ứng dụng hệ thống tư vấn, khám chữa bệnh từ xa tại tuyến y tế cơ sở.

- Triển khai hệ thống hồ sơ sức khỏe điện tử toàn dân theo Quyết định số 831/QĐ-BYT ngày 11/03/2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế. Phấn đấu đến năm 2025 bảo đảm 95% người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử.

- Triển khai hồ sơ bệnh án điện tử tại các cơ sở y tế theo lộ trình quy định tại Thông tư số 46/2018/TT-BYT ngày 28/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế, tiến tới không sử dụng bệnh án giấy, thanh toán viện phí điện tử.

8.4. Chuyển đổi số trong lĩnh vực Giao thông vận tải và logistics

Đơn vị chủ trì: Phòng Kinh tế và Hạ tầng

- Phát triển hệ thống giao thông thông minh, tập trung các hệ thống giao thông đô thị, đường tỉnh lộ.

- Triển khai các nền tảng quản lý kết cấu hạ tầng giao thông, phương tiện kinh doanh vận tải, quản lý người điều khiển phương tiện, đăng ký và quản lý phương tiện qua hồ sơ số, cấp và quản lý giấy phép người điều khiển phương tiện số.

8.5. Chuyển đổi số trong lĩnh vực Công nghiệp và năng lượng

Đơn vị chủ trì: Phòng Kinh tế và Hạ tầng

- Triển khai hỗ trợ, thúc đẩy xây dựng xưởng/nhà máy thông minh để tăng tỷ lệ tự động hóa, giúp đổi mới và nâng cao năng suất, hiệu suất hoạt động.

- Triển khai các chương trình tập huấn, đào tạo về chuyển đổi số, thương mại điện tử cho các tổ chức, cá nhân trên địa bàn huyện.

- Hỗ trợ đưa thông tin, sản phẩm nông nghiệp của các hộ sản xuất nông nghiệp; hộ kinh doanh cá thể; các hội sản xuất nông nghiệp; các tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hợp tác xã sản xuất, kinh doanh sản phẩm nông nghiệp lên sàn thương mại điện tử (PostMart.vn và Voso.vn) để kết nối, quảng bá, giới thiệu sản phẩm, thêm các kênh phân phối mới, thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp thông qua sàn thương mại điện tử.

8.6. Chuyển đổi số trong lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường

Đơn vị chủ trì: Phòng Tài nguyên và Môi trường

- Triển khai, hoàn thiện CSDL đất đai trên địa bàn để hoàn thiện CSDL đất đai quốc gia.

- Số hóa dữ liệu chuyên ngành Tài nguyên và Môi trường.

8.7. Chuyển đổi số trong lĩnh vực Văn hoá, Thể thao và Du lịch

Đơn vị chủ trì: Phòng Văn hóa và Thông tin

- Triển khai có hiệu quả Đề án phát triển du lịch huyện Buôn Đôn giai đoạn 2021 – 2025 và định hướng đến năm 2030.

- Phát triển hệ sinh thái du lịch thông minh, chủ động đáp ứng nhu cầu đặc thù, chuyên biệt của thị trường khách du lịch, hỗ trợ doanh nghiệp du lịch kết nối hiệu quả với các chủ thể liên quan, tạo môi trường cho cộng đồng, các doanh nghiệp khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo phù hợp với xu hướng của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, đáp ứng yêu cầu về đổi mới phương thức, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý Nhà nước, góp phần thúc đẩy tăng trưởng và nâng cao năng lực cạnh tranh của ngành du lịch huyện Buôn Đôn.

- Triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số trong lĩnh vực thư viện.

8.8. Chuyển đổi số trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng

- Triển khai thí điểm và nhân rộng mô hình Mobile Money.

- Triển khai ứng dụng toàn diện công nghệ số trong các ngành thuế, kho bạc.

9. Các nội dung theo dõi, thực hiện

- Phụ lục I: Phân công theo dõi, thực hiện các chỉ tiêu

- Phụ lục II: Danh mục các nhiệm vụ, dự án

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Kế hoạch này bao gồm: Ngân sách Tỉnh, ngân sách địa phương, nguồn đầu tư của doanh nghiệp và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Văn hóa và Thông tin

Chủ trì, phối hợp với các phòng, ban, đơn vị và UBND các xã tổ chức triển khai thực hiện đạt hiệu quả các mục tiêu của Kế hoạch này; theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện Kế hoạch; tham mưu cho UBND huyện bổ sung, điều chỉnh Kế hoạch khi cần thiết.

2. Các phòng, ban, đơn vị, UBND các xã

- Chủ động rà soát, bổ sung nhiệm vụ vào Kế hoạch chuyển đổi số trong năm 2022 của cơ quan, đơn vị, địa phương; đồng thời, chủ động triển khai thực hiện các nhiệm vụ được phân công trong Kế hoạch này.

- Định kỳ hàng quý báo cáo kết quả triển khai thực hiện Kế hoạch chuyển đổi số của cơ quan, đơn vị, địa phương mình về UBND huyện (thông qua phòng Văn hóa và Thông tin) để tổng hợp.

- Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương chịu trách nhiệm cá nhân trước UBND huyện, Chủ tịch UBND huyện về kết quả chuyển đổi số của cơ quan, đơn vị, địa phương phụ trách.

Trên đây là Kế hoạch Chuyển đổi số huyện Buôn Đôn năm 2022, đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức triển khai thực hiện. Các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện và cần sửa đổi, bổ sung kế hoạch này, các đơn vị kịp thời phản ánh về phòng Văn hóa và Thông tin để tổng hợp, đề xuất UBND huyện xem xét, quyết định.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/c);
- Sở Thông tin và Truyền thông (b/c);
- TT. Huyện ủy, TT. HĐND huyện (b/c);
- CT, các PCT UBND huyện;
- Các phòng, ban, đơn vị trên địa bàn huyện;
- Các doanh nghiệp Bưu chính, Viễn thông;
- Các tổ chức tín dụng trên địa bàn huyện;
- UBND các xã;
- Cổng thông tin điện tử huyện;
- Lưu: VT, VH TT.

CHỦ TỊCH

Vũ Hồng Nhật

Phụ lục I
PHÂN CÔNG THEO DÕI, THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /6/2022 của UBND huyện)

Stt	Nội dung chỉ tiêu	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
1	55% trở lên dịch vụ công được cung cấp trực tuyến mức độ 3, mức độ 4, trong đó mức độ 4 trên 25%.	Phòng Văn hoá và Thông tin	Các phòng, ban, đơn vị, UBND các xã
2	30% trở lên hồ sơ công việc tại cấp huyện và 15% trở lên hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (<i>trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước</i>)	Các phòng, ban, đơn vị, UBND các xã	Phòng Văn hoá và Thông tin
3	50% chế độ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của UBND huyện, Chủ tịch UBND huyện được thực hiện trên Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ	Văn phòng HĐND và UBND huyện	Các phòng, ban, đơn vị, UBND các xã
4	5% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý	Các phòng, ban, đơn vị, UBND các xã	
5	Phân đầu chỉ số chuyên đổi số của huyện trong nhóm 10/15 huyện, thị xã, thành phố	Phòng Văn hoá và Thông tin	Các phòng, ban, đơn vị, UBND các xã
6	Phân đầu kinh tế số chiếm 2% GRDP	Các phòng, ban, đơn vị, UBND các xã	Các Doanh nghiệp
7	Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu 1%	Các phòng, ban, đơn vị, UBND các xã	Các Doanh nghiệp
8	Năng suất lao động hàng năm tăng bình quân 1%	Các phòng, ban, đơn vị, UBND các xã	Các Doanh nghiệp
9	100% doanh nghiệp sử dụng hóa đơn điện tử	Chi cục Thuế Buôn Đôn – Cư Mgar	Các phòng, ban, đơn vị, UBND các xã, Doanh nghiệp
10	Hạ tầng mạng băng rộng cáp quang phủ trên 40% hộ gia đình, 100% xã	Phòng Văn hóa và Thông tin, các Doanh nghiệp viễn thông	UBND các xã

Stt	Nội dung chỉ tiêu	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
11	Phổ cập dịch vụ mạng di động 4G/5G	Phòng Văn hóa và Thông tin, các Doanh nghiệp viễn thông	UBND các xã
12	Tỷ lệ dân số có tài khoản thanh toán điện tử trên 10%	Các tổ chức tín dụng trên địa bàn	UBND các xã
13	Tối thiểu 50% hệ thống thông tin được xác định cấp độ và triển khai phương án bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ	Phòng Văn hoá và Thông tin	Các phòng, ban, đơn vị, UBND các xã
14	Tối thiểu 30% thiết bị đầu cuối được cài đặt giải pháp bảo vệ	Các phòng, ban, đơn vị, UBND các xã	Phòng Văn hoá và Thông tin
15	50% cán bộ phụ trách về CNTT tại các phòng, ban, đơn vị, UBND các xã được tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng về kiến thức, kỹ năng an toàn thông tin, xử lý ứng cứu sự cố an toàn mạng.	Phòng Văn hoá và Thông tin	Các phòng, ban, đơn vị, UBND các xã
16	30% cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của các cơ quan, đơn vị được tuyên truyền, phổ biến về thói quen, trách nhiệm và kỹ năng cơ bản đảm bảo an toàn thông tin	Phòng Văn hoá và Thông tin	Các phòng, ban, đơn vị, UBND các xã
17	40% cơ sở giáo dục được tuyên truyền, giáo dục kiến thức, kỹ năng cần thiết cho trẻ em để tham gia môi trường mạng an toàn	Phòng Giáo dục và Đào tạo, UBND các xã	Phòng Văn hoá và Thông tin, Phòng Lao động, Thương binh và Xã hội
18	100% trẻ em là nạn nhân bị xâm hại trên môi trường mạng được hỗ trợ, can thiệp khi có yêu cầu từ bản thân trẻ em hoặc từ người thân, cộng đồng xã hội	Phòng Giáo dục và Đào tạo, Phòng Lao động, Thương binh và Xã hội, UBND các xã	Công an huyện, Phòng Văn hoá và Thông tin

Phụ lục II
DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN
(Ban hành kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /6/2022 của UBND huyện)

Stt	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Ghi chú
1	CÁC NHIỆM VỤ TUYÊN TRUYỀN, XÂY DỰNG CHÍNH SÁCH THỨC ĐẦY QUÁ TRÌNH CHUYỂN ĐỔI SỐ, AN TOÀN THÔNG TIN				
1.1	Tuyên truyền về chuyển đổi số, an toàn thông tin	Trong năm	Phòng Văn hóa và Thông tin, Đài Truyền thanh – Truyền hình	Các phòng, ban, đơn vị, UBND các xã	
1.2	Tổ chức các hội thảo, hội nghị, tọa đàm về chuyển đổi số, an toàn thông tin, xây dựng Chính quyền số quy mô cấp huyện	Quý III-IV	Phòng Văn hóa và Thông tin	Các phòng, ban, đơn vị, UBND các xã	
1.3	Triển khai xây dựng chuyên mục chuyển đổi số, an toàn thông tin trên Cổng/Trang thông tin điện tử huyện và các cơ quan, đơn vị; Đài Phát thanh – Truyền hình huyện và các xã	Quý III-IV	Phòng Văn hóa và Thông tin, Đài Truyền thanh – Truyền hình	Các phòng, ban, đơn vị, UBND các xã	
1.4	Rà soát, chỉnh sửa, ban hành kịp thời quy trình nội bộ, quy trình điện tử đối với giải quyết thủ tục hành chính của các cấp	Quý III-IV	Văn phòng HĐND và UBND huyện	Các phòng, ban, đơn vị, UBND các xã	Văn bản chỉ đạo
1.5	Triển khai Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 – 2025, tầm nhìn đến năm 2030	Trong năm	Công an huyện	Các phòng, ban, đơn vị, UBND các xã	Văn bản chỉ đạo

Stt	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Ghi chú
2	CÁC NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC PHỤC VỤ QUÁ TRÌNH CHUYỂN ĐỔI SỐ				
2.1	Phối hợp tổ chức các khóa bồi dưỡng, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số, kỹ năng lãnh đạo số cho người đứng đầu các cấp trong các CQNN huyện Buôn Đôn	Quý III-IV	Phòng Văn hóa và Thông tin	Các phòng, ban, đơn vị, UBND các xã	
2.2	Phối hợp tổ chức đào tạo, tập huấn, phổ cập các kiến thức về công nghệ thông tin cho CBCCVC công tác tại vùng dân tộc thiểu số và miền núi; cán bộ lãnh đạo vùng DTTS	Quý III-IV	Phòng Dân tộc	Các phòng, ban, đơn vị, UBND các xã	Triển khai theo Kế hoạch số 5995/K-UBND ngày 05/7/2021 của UBND tỉnh
2.3	Tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng, giới thiệu kiến thức cơ bản về chuyển đổi số, kỹ năng số, an toàn thông tin cho đội ngũ CBCCVC	Quý III-IV	Phòng Văn hóa và Thông tin, Phòng Nội vụ	Các phòng, ban, đơn vị, UBND các xã	
3	CÁC NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN SỐ				
3.1	Phát triển hạ tầng số				
3.1.1	Nâng cấp, hoàn thiện trang thiết bị công nghệ đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số trong các cấp, các ngành	Trong năm	Các phòng, ban, đơn vị, UBND các xã	Phòng Văn hóa và Thông tin	
3.1.2	Phối hợp triển khai mạng số liệu chuyên dùng cấp 2 trong cơ quan nhà nước	Quý III-IV	Phòng Văn hóa và Thông tin	Các phòng, ban, đơn vị, UBND các xã	

Stt	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Ghi chú
3.1.3	Đầu tư, nâng cấp và mở rộng hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến đến cấp xã	Quý III-IV	Phòng Văn hóa và Thông tin	Văn phòng HĐND và UBND huyện, UBND các xã	
3.1.4	Phối hợp chuyển đổi hạ tầng IPv4 sang IPv6	Quý III-IV	Phòng Văn hóa và Thông tin	Các phòng, ban, đơn vị, UBND các xã	
3.2	Phát triển các ứng dụng, dịch vụ số				
3.2.1	Duy trì, nâng cao chất lượng, hiệu quả sử dụng các ứng dụng dùng chung của tỉnh như: Hệ thống Quản lý văn bản và Điều hành; Hệ thống thư điện tử; Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ ...	Trong năm	Văn phòng HĐND và UBND huyện	Các phòng, ban, đơn vị, UBND các xã	
3.2.2	Tăng cường sử dụng và nâng cao hiệu quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên hệ thống Dịch vụ hành chính công trực tuyến tích hợp Một cửa điện tử liên thông của tỉnh	Trong năm	Phòng Văn hóa và Thông tin	Các phòng, ban, đơn vị, UBND các xã	
3.2.3	Hoàn thiện, nâng cao chất lượng hoạt động của Cổng thông tin điện tử của huyện	Trong năm	Phòng Văn hóa và Thông tin	Các phòng, ban, đơn vị, UBND các xã	
3.2.4	Xây dựng và đưa vào hoạt động Trang thông tin điện tử của các xã	Quý III-IV	UBND các xã	Phòng Văn hóa và Thông tin, các Doanh nghiệp viễn thông	

Stt	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Ghi chú
3.2.5	Duy trì và nâng cao hiệu quả sử dụng dịch vụ giám sát đô thị thông minh của tỉnh	Trong năm	Văn phòng HĐND và UBND huyện	Các phòng, ban, đơn vị, UBND các xã	
3.2.6	Triển khai Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 – 2025, tầm nhìn đến năm 2030 (theo Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ)	Trong năm	Công an huyện	Các phòng, ban, đơn vị, UBND các xã	
3.3	Bảo đảm an toàn, an ninh mạng				
3.3.1	Triển khai các giải pháp phòng chống mã độc theo Chỉ thị số 14/CT-TTg	Quý III-IV	Phòng Văn hóa và Thông tin	Các phòng, ban, đơn vị, UBND các xã	
3.3.2	Triển khai bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ đối với các hệ thống thông tin của huyện	Quý III-IV	Phòng Văn hóa và Thông tin	Các phòng, ban, đơn vị, UBND các xã	
3.3.3	Triển khai bảo vệ và hỗ trợ trẻ em tương tác lành mạnh, sáng tạo trên môi trường mạng	Quý III-IV	Phòng Giáo dục và Đào tạo, Phòng Văn hóa và Thông tin	Các phòng, ban, đơn vị, UBND các xã	
4	CÁC NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN KINH TẾ SỐ, DOANH NGHIỆP SỐ				
4.1	Tổ chức các Hội thảo chuyên đề cho các doanh nghiệp trên địa bàn huyện nhằm giúp nâng cao nhận thức và thúc đẩy chuyển đổi số tại các doanh nghiệp	Quý III-IV	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	Các phòng, ban, đơn vị, UBND các xã, các Doanh nghiệp	

Stt	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Ghi chú
4.2	Triển khai các nhiệm vụ thuộc kế hoạch phát triển thương mại điện tử huyện Buôn Đôn giai đoạn 2022 - 2025	Quý III-IV	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	Các phòng, ban, đơn vị, UBND các xã, các Doanh nghiệp	
4.3	Triển khai chương trình khởi nghiệp sáng tạo thúc đẩy phát triển kinh tế số	Quý III-IV	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	Các phòng, ban, đơn vị, UBND các xã, các Doanh nghiệp	
4.4	100% doanh nghiệp sử dụng hóa đơn điện tử	Quý III-IV	Chi cục Thuế Buôn Đôn – Cư Mgar	Các phòng, ban, đơn vị, UBND các xã, các Doanh nghiệp	
5	CÁC NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN XÃ HỘI SỐ				
5.1	Phối hợp tổ chức các lớp tập huấn, các khóa học đại trà trực tuyến cho người dân và doanh nghiệp để nâng cao kiến thức, kỹ năng về công nghệ số và chuyển đổi số cho người dân	Quý III-IV	Phòng Văn hóa và Thông tin	Các phòng, ban, đơn vị, UBND các xã	
5.2	Phổ cập dịch vụ mạng di động 4G/5G và điện thoại di động thông minh	Quý IV	Phòng Văn hóa và Thông tin, các Doanh nghiệp viễn thông	UBND các xã	
5.3	Xây dựng hệ thống Wifi công cộng trên địa bàn huyện	Quý III-IV	Phòng Văn hóa và Thông tin	UBND các xã, các Doanh nghiệp viễn thông	

Stt	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Ghi chú
6	CÁC NHIỆM VỤ CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG CÁC LĨNH VỰC ƯU TIÊN				
6.1	Lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn				
6.1.1	Phối hợp triển khai thực hiện các nội dung chuyển đổi số trong lĩnh vực nông nghiệp do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn triển khai	Quý III-IV	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các phòng, ban, đơn vị, UBND các xã	
6.1.2	Phối hợp triển khai xây dựng hệ thống CSDL của ngành như: quản lý thủy sản; quản lý, chế biến, xúc tiến thương mại nông sản; quản lý hợp tác xã; quản lý thông tin sâu bệnh, dịch bệnh ...	Quý III-IV	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các phòng, ban, đơn vị, UBND các xã	
6.1.3	Triển khai sử dụng hiệu quả các ứng dụng, phần mềm trong lĩnh vực Nông nghiệp như: vFarm (Quản lý chuỗi canh tác); VNPT Check (Cấp mã truy xuất nguồn gốc cho nông sản); AutoAgri (Quản lý chuỗi nông nghiệp thông minh); OCOP (Chăm điểm và quản lý sản phẩm) ...	Quý III-IV	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các phòng, ban, đơn vị, UBND các xã	
6.1.4	Xây dựng Kế hoạch hỗ trợ đưa hộ sản xuất nông nghiệp lên sàn thương mại điện tử	Quý III-IV	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các phòng, ban, đơn vị, UBND các xã	
6.2	Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo				
6.2.1	Phối hợp triển khai xây dựng hệ thống CSDL lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo	Quý III-IV	Phòng Giáo dục và Đào tạo	Các phòng, ban, đơn vị, UBND các xã, các trường học	

Stt	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Ghi chú
6.2.2	Triển khai đẩy mạnh sử dụng hiệu quả các ứng dụng, phần mềm trong lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo, như: Học bạ điện tử; quản lý văn bằng, chứng chỉ; quản lý học sinh; kiểm định chất lượng giáo dục ...	Trong năm	Phòng Giáo dục và Đào tạo	Các phòng, ban, đơn vị, UBND các xã, các trường học	
6.3	Lĩnh vực Y tế				
6.3.1	Triển khai hệ thống quản lý y tế cơ sở trên địa bàn toàn huyện	Quý III-IV	Trung tâm Y tế huyện	Trạm Y tế các xã	
6.3.2	Triển khai hệ thống hồ sơ sức khỏe điện tử toàn dân	Quý III-IV	Trung tâm Y tế huyện	UBND các xã, Trạm Y tế các xã	
6.4	Lĩnh vực Giao thông vận tải				
6.4.1	Phối hợp triển khai xây dựng CSDL và hệ thống thông tin Giao thông vận tải trên địa bàn huyện	Quý III-IV	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	Các phòng, ban, đơn vị, UBND các xã	
6.5	Lĩnh vực Công thương				
6.5.1	Phối hợp triển khai xây dựng CSDL, quy hoạch hạ tầng công nghiệp và thương mại	Quý III-IV	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	Các phòng, ban, đơn vị, UBND các xã	
6.5.2	Triển khai các chương trình tập huấn, đào tạo về chuyển đổi số, thương mại điện tử cho các tổ chức, cá nhân trên địa bàn huyện	Quý III-IV	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	Các phòng, ban, đơn vị, UBND các xã	

Stt	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Ghi chú
6.6	Lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường				
6.6.1	Phối hợp triển khai xây dựng hệ thống CSDL nhằm quản lý hiệu quả lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường	Quý III-IV	Phòng Tài nguyên và Môi trường	Các phòng, ban, đơn vị, UBND các xã	
6.7	Lĩnh vực Văn hoá, Thể thao và Du lịch				
6.7.1	Triển khai xây dựng CSDL về lĩnh vực Văn hóa, Thể thao và Du lịch nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước trên địa bàn	Quý III-IV	Phòng Văn hóa và Thông tin	Các phòng, ban, đơn vị, UBND các xã	
6.7.2	Triển khai xây dựng hệ sinh thái du lịch thông minh	Quý III-IV	Phòng Văn hóa và Thông tin	Các phòng, ban, đơn vị, UBND các xã	
6.7.3	Triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số trong lĩnh vực thư viện	Quý III-IV	Phòng Văn hóa và Thông tin	Các phòng, ban, đơn vị, UBND các xã	
6.8	Lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng				
6.8.1	Triển khai thí điểm và nhân rộng mô hình Mobile Money	Quý III-IV	Phòng Tài chính – Kế hoạch	Các phòng, ban, đơn vị, UBND các xã, các tổ chức tín dụng	
6.8.2	Triển khai ứng dụng toàn diện công nghệ số trong các ngành thuế, kho bạc	Trong năm	Chi cục Thuế, Kho bạc Nhà nước	Phòng Tài chính – Kế hoạch, UBND các xã, các tổ chức tín dụng	

Stt	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Ghi chú
6.9	Lĩnh vực khác				
6.9.1	Xây dựng Kế hoạch triển khai hệ thống Quản lý tài liệu điện tử và số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn huyện giai đoạn 2021-2025	Quý III-IV	Phòng Nội vụ huyện	Các phòng, ban, đơn vị, UBND các xã	
6.9.2	Triển khai nhiệm vụ chuyển đổi số lĩnh vực báo chí, phát thanh - truyền hình	Quý III-IV	Phòng Văn hóa và Thông tin, Đài Truyền thanh – Truyền hình	UBND các xã	